

**TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6781 / ĐTPT

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2007

V/v lập dự toán công trình xây dựng chuyên ngành
BCVT Theo Thông tư số 05/2007/TT-BXD
Ngày 25/07/2007 và văn bản số 1751/BXD-VP

Ngày 17/08/2007.

TY VIỄN THÔNG ĐIỆN BIÊN-LAI CHÁI

Số: 1247...
ĐẾN Ngày 17/12/07

Kính gửi: - Giám đốc các đơn vị thành viên;
- Giám đốc các Ban Quản lý dự án.

Chuyển... Căn cứ Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25/07/2007 hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng theo quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/06/2007 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ văn bản số 1751/BXD-VP ngày 25/07/2007 về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng;

Từ nội dung quy định của Nghị định và Thông tư nêu trên, các đơn vị tự chủ động tổ chức nghiên cứu và triển khai thực hiện. Nay Tập đoàn BCVT Việt Nam có văn bản hướng dẫn và một số quy định cụ thể để áp dụng thống nhất phù hợp khi lập dự toán chi phí các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành Bưu chính, Viễn thông. Đối với công trình cột anten và các loại công trình khác áp dụng theo quy định chung của các Bộ ngành liên quan và của Nhà nước hiện hành.

Thông tư số 05/2007/TT-BXD đã có quy định: "Chủ đầu tư xây dựng công trình chịu trách nhiệm toàn diện việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng". Nội dung văn bản này giới hạn trong việc hướng dẫn và quy định của Tập đoàn một số nội dung khi lập và quản lý dự toán cho từng công trình, hạng mục công trình xây dựng thuộc chuyên ngành BCVT.

PHẦN I

HƯỚNG DẪN VÀ QUY ĐỊNH TRONG LẬP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.

Dự toán công trình, hạng mục công trình bao gồm: Chi phí xây dựng; Chi phí thiết bị; Chi phí quản lý dự án; Chi phí tư vấn xây dựng; Chi phí khác; Chi phí dự phòng.

1. Chi phí xây dựng.

1.1. Chi phí trực tiếp: Bao gồm chi phí vật liệu (kể cả vật liệu do chủ đầu tư cấp); Chi phí nhân công; Chi phí máy thi công và Chi phí trực tiếp khác.

a. Chi phí vật liệu, nhân công và máy thi công: Áp dụng bộ đơn giá xây dựng công trình chuyên ngành BCVT ban hành theo quyết định số 18/2007/QĐ-BBCVT ngày 18/06/2007; Áp dụng bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình BCVT ban hành theo quyết định số 10/2007/QĐ-BBCVT ngày 14/05/2007 của Bộ Bưu chính Viễn thông; Thực hiện theo văn bản số 4343/ĐTPT ngày 17/08/2007 của Tập đoàn BCVT Việt Nam về việc áp dụng đơn giá xây dựng công trình chuyên ngành BCVT.

- **Giá vật liệu:** Là giá vật liệu tính đến chân công trình, được xác định phù hợp với công trình và gắn với vị trí nơi xây dựng công trình. Giá vật liệu phải hợp lý và phù hợp với mặt bằng giá tại địa phương nơi xây dựng công trình, xác định trên cơ sở báo giá của các nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp hoặc giá đã được áp dụng cho công trình khác có cùng tiêu chuẩn về chất lượng hoặc giá do địa phương công bố nhưng tất cả đều phải đảm bảo tính cạnh tranh.

40859

HP LASCJET FAX

19 Dec 2007 10:04

Trong trường hợp vật liệu chưa có trên thị trường hoặc các nhà thầu tự sản xuất vật liệu xây dựng theo yêu cầu của chủ đầu tư thì giá vật liệu lấy theo giá hợp lý với điều kiện đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đặt ra về chủng loại, chất lượng theo thiết kế, số lượng, tiến độ cung ứng.... và đảm bảo có tính cạnh tranh.

- *Giá nhân công:* Áp dụng theo bộ đơn giá nêu trên đã tính đúng, tính đủ tiền lương và các khoản phụ cấp lương (phụ cấp lưu động 20%; phụ cấp không ổn định sản xuất 10%; một số khoản lương phụ như lễ, tết, phép... là 12% và một số khoản chi phí có thể khoán gọn cho người lao động tính bằng 4% so với lương cấp bậc yêu cầu). Lương tối thiểu ở bộ đơn giá này đã tính bằng 450.000 đ/tháng, trong đó lương cơ bản của công nhân áp dụng thông tư số 03/2005/TT-BXD ngày 04/03/2005 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn điều chỉnh dự toán công trình xây dựng thuộc nhóm I bảng lương A1.8 – lương cơ bản của kỹ sư tính theo bảng lương viên chức chuyên môn nghiệp vụ trong các công ty nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

- *Giá ca máy và thiết bị thi công công trình (kể cả máy, thiết bị đi thuê):* Áp dụng bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình chuyên ngành BCVT do Bộ BCVT (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) ban hành theo quyết định số 10/2007/QĐ-BBCVT ngày 14/05/2007. Trường hợp trong danh mục ca máy không có loại máy, thiết bị cần sử dụng thì được áp dụng đơn giá ca máy thiết bị thi công của các bộ ngành khác hoặc của địa phương ban hành; hoặc xây dựng đơn giá ca máy theo hướng dẫn tại Thông tư số: 07/2007/TT-BXD ngày 25/07/2007 của Bộ Xây dựng công bố.

b. *Chi phí trực tiếp khác:* Nội dung chi phí trực tiếp khác có thể có như: di chuyển lực lượng lao động trong nội bộ công trường, an toàn lao động, bảo vệ môi trường cho người lao động và môi trường xung quanh, chi phí bơm nước, vét bùn, thí nghiệm vật liệu,.... không xác định được khối lượng từ thiết kế.

Đối với công trình chuyên ngành BCVT, tùy theo tính chất và đặc điểm của từng công trình hoặc hạng mục công trình mà trong thi công cần hoặc không cần phải có các loại chi phí này, vì vậy khi cần chi phí cho loại công việc gì thì lập dự toán chi phí cho công việc đó nhưng tổng kinh phí lập cho các công việc này không được phép vượt quá tỷ lệ 1,5% tổng chi phí vật liệu, nhân công và máy thi công.

1.2. *Chi phí chung:* Chi phí chung bao gồm: chi phí quản lý của doanh nghiệp, chi phí điều hành sản xuất tại công trường, chi phí phục vụ công nhân, chi phí phục vụ thi công tại công trường và một số chi phí khác. Chi phí chung được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí trực tiếp hoặc bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí nhân công trong dự toán theo quy định đối với từng loại công trình. Cụ thể với công trình hoặc hạng mục công trình thuộc chuyên ngành BCVT được tính như sau:

a. *Công trình lắp đặt thiết bị công nghệ và thí nghiệm, hiệu chỉnh trong các công trình xây dựng:* Công trình thi công xây lắp cấp thông tin (Thi công kéo cáp trên tuyến cột hoặc tuyến công bê có sẵn) các loại: Chi phí chung tính bằng 50% chi phí nhân công trong dự toán;

b. Các loại công trình còn lại thuộc chuyên ngành BCVT: Chi phí chung tính bằng tỷ lệ 3,5% chi phí trực tiếp trong dự toán chi phí xây dựng.

Lưu ý: Đối với các công trình xây dựng tại miền núi, biên giới, hải đảo được điều chỉnh hệ số từ 1,05 đến 1,1 tùy theo công trình do chủ đầu tư quyết định.

1.3. Thu nhập chịu thuế tính trước:

Thu nhập chịu thuế tính trước được tính bằng tỷ lệ 5,5% trên chi phí trực tiếp và chi phí chung theo quy định đối với từng loại công trình. Đối với công trình có thi công cấp vữa áp dụng công văn số: 190/TC-TCT ngày 21 tháng 01 năm 1998 của Bộ Tài chính - Vật tư cấp không tính trong chi phí trực tiếp để nhân với tỷ lệ theo quy định - Thu nhập chịu thuế tính trước = (Chi phí trực tiếp – giá trị cấp + Chi phí chung) x 5,5%.

✓

1.4. Thuế giá trị gia tăng: Thuế giá trị gia tăng cho các công trình xây dựng áp dụng theo quy định hiện hành.

1.5. Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công:

Đối với công trình mới khởi công ở vùng sâu, vùng xa, hải đảo, công trình đi theo tuyến ngoài đô thị xa vùng dân cư được tính tối đa = 2% trên chi phí trực tiếp, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước. Các công trình dạng tuyến khác tính = 1% nhưng phải đưa vào ngay từ khi lập dự án đầu tư và phải lập dự toán cụ thể cho chi phí này (nếu có) đồng thời phải được cấp có thẩm quyền xem xét quyết định phê duyệt.

2. Chi phí thiết bị.

Chi phí thiết bị trong dự toán công trình bao gồm chi phí mua sắm thiết bị công nghệ (kể cả thiết bị công nghệ phi tiêu chuẩn cần sản xuất, gia công); chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ; chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm, hiệu chỉnh;

Chi phí mua sắm thiết bị bao gồm: giá mua (gồm cả chi phí thiết kế và giám sát chế tạo), chi phí vận chuyển từ cảng hoặc từ nơi mua đến công trình, chi phí lưu kho, lưu bãi, lưu Container tại cảng Việt Nam (đối với thiết bị nhập khẩu), chi phí bảo quản, bảo dưỡng tại kho bãi ở hiện trường, thuế và phí bảo hiểm thiết bị công trình;

- Giá đưa vào dự toán được xác định tương tự như đối với giá vật liệu đã nêu trên;
- Chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ được xác định bằng lập dự toán tùy theo yêu cầu cụ thể của từng công trình;
- Chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm, hiệu chỉnh được lập dự toán như đối với chi phí xây dựng;
- Trường hợp thiết bị mua thông qua đấu thầu thì chi phí thiết bị bao gồm giá trúng thầu và các khoản chi phí theo các nội dung nêu trên được ghi trong hợp đồng (khi đó những khối lượng công việc thuộc phần lắp đặt thiết bị này không được tính vào dự toán xây lắp một lần nữa).
- Trường hợp có khoản chi chưa có trong định mức quy định, chủ đầu tư lập dự toán chi phí, phê duyệt và tự chịu trách nhiệm về sự đúng đắn trong nội dung quyết định của mình.

3. Chi phí quản lý dự án.

Chi phí quản lý dự án bao gồm các khoản chi phí để tổ chức thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng, bao gồm: Chi phí tổ chức lập báo cáo đầu tư, lập dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật; Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư; Chi phí tổ chức thẩm định dự án đầu tư, báo cáo KTKT; chi phí tổ chức thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình; Chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu; Chi phí tổ chức quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng; Chi phí tổ chức đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường của công trình; Chi phí tổ chức lập định mức, đơn giá xây dựng công trình (nếu có); Chi phí tổ chức kiểm tra chất lượng vật liệu, kiểm định chất lượng công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư (nếu có); Chi phí tổ chức kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình (nếu có); Chi phí tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; Các chi phí khởi công, tổ chức nghiệm thu, khánh thành, bàn giao công trình, tuyên truyền quảng cáo và các chi phí tổ chức thực hiện các công việc quản lý khác.

Chi phí quản lý dự án xác định trên cơ sở tham khảo định mức tỷ lệ do Bộ Xây dựng công bố hoặc bằng cách lập dự toán;

Nội dung định mức chi phí quản lý dự án bao gồm chi phí tiền lương, các khoản phụ cấp tiền lương, các khoản trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, tiền thưởng, phúc lợi tập thể của các nhân tham gia quản lý dự án, chi phí các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, hội thảo, tập huấn, công tác phí, thuê nhà làm việc, thuê phương tiện đi lại, thiết bị làm việc, chi phí mua sắm tài sản phục vụ quản lý, chi phí sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản của ban quản lý, các khoản phí, lệ phí, thuế và các chi phí khác;

Đối với công trình chuyên ngành BCVT thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật, tham khảo tại văn bản số 1751/BXD-VP ngày 14/08/2007 của Bộ Xây dựng công bố (Bảng số 1)

(Bảng số 1)

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Loại công trình	Chi phí xây dựng và thiết bị trước thuế GTGT (tỷ đồng)										
	≤ 7	10	20	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	10.000
Hạ tầng kỹ thuật	1,940	1,848	1,568	1,400	1,176	1,152	1,056	0,864	0,744	0,496	0,372

4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng.

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng theo văn bản số 1751/BXD-VP ngày 14/08/2007 của Bộ Xây dựng bao gồm các công việc sau: Lập dự án đầu tư; Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; Thiết kế xây dựng công trình; Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình; Lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng; Giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị.

Đối với các công việc tư vấn đầu tư xây dựng chưa có định mức chi phí công bố trong văn bản này thì các chi phí đó được xác định bằng cách lập dự toán. Phương pháp lập thực hiện theo hướng dẫn tại phụ lục của văn bản số 1751/BXD-VP ngày 14/08/2007 của Bộ Xây dựng.

4.1. Định mức chi phí lập dự án (Bảng số 2)

(Bảng số 2)

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Loại công trình	Chi phí xây dựng và thiết bị trước thuế GTGT (tỷ đồng)										
	≤ 7	10	20	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	10.000
Hạ tầng kỹ thuật	0,585	0,428	0,389	0,312	0,253	0,182	0,156	0,137	0,117	0,094	0,075

Định mức chi phí tính theo tỷ lệ phần trăm (%) nêu trong bảng số 2 trên, kết quả sau khi tính toán nếu vượt trên 60% chi phí lập thiết kế dự toán tính theo bảng HTKT-1 và HTKT-2 công bố tại văn bản số 1751/BXD-VP nêu trên thì chi phí lập dự án đầu tư trong trường hợp này chỉ được lấy ở mức tối đa = 60% của chi phí lập thiết kế dự toán công trình. Chi phí này đã bao gồm chi phí khảo sát để lập DADT, chi phí lập thiết kế cơ sở (nếu có) thấy cho phân lập khái toán trước đây. Trường hợp sử dụng thiết kế cơ sở mẫu, thiết kế cơ sở điển hình do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì phải điều chỉnh với hệ số K = 0,8

4.2. Định mức chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật (Bảng số 3).

(Bảng số 3)

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng và thiết bị trước thuế GTGT (tỷ đồng)		
		≤ 1	3	7
	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2,21	2,0	1,82

Định mức tỷ lệ trên bao gồm chi phí khảo sát để lập dự án, thuyết minh dự án, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình.

Định mức chi phí lập dự án và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật còn điều chỉnh nhân với hệ số trong các trường hợp:

(Chữ ký)

- Trường hợp cải tạo, sửa chữa, mở rộng có tính toán kết nối với dây chuyền công nghệ hiện có thì điều chỉnh với $K=1,2$.

- Trường hợp sử dụng thiết kế bản vẽ thi công mẫu, thiết kế bản vẽ thi công điển hình do cơ quan có thẩm quyền ban hành: điều chỉnh với hệ số $K=0,65$ đối với định mức chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

4.3. Định mức chi phí thiết kế công trình:

Định mức chi phí thiết kế dự toán công trình BCVT công bố tại văn bản số 1751/BXD-VP ngày 14/08/2007 của Bộ Xây dựng được hướng dẫn tại hai bảng HTKT-1 và HTKT-2 như sau:

Bảng HTKT-1:

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Công trình	Chi phí xây dựng trước thuế GTGT (tỷ đồng)							
	≤ 5	10	15	25	50	100	200	500
Công trình cấp chôn trực tiếp	1,83	1,4	1,3	1,1	0,95	0,8	0,7	0,6
Công trình tuyến cáp qua sông	1,9	1,5	1,4	1,3	1,1	1,0	0,9	0,7
Công trình cống bê cấp và kéo cáp, Công trình tuyến cáp	2,1	1,6	1,5	1,35	1,15	1,05	0,95	0,8

Bảng HTKT-2:

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Công trình	Chi phí xây dựng trước thuế GTGT (tỷ đồng)							
	≤ 5	10	15	25	50	100	200	500
Các loại tổng đài Host, vệ tinh, độc lập	1,00	0,75	0,60	0,50	0,45	0,35	0,25	0,15
Các loại tổng đài MSC, BSC, truy nhập thuê bao, nhân tin	0,90	0,70	0,55	0,45	0,40	0,30	0,20	0,10
Hệ thống thiết bị truyền dẫn quang	1,35	0,80	0,60	0,50	0,40	0,30	0,20	0,10
Hệ thống truyền dẫn vi ba	1,70	1,40	1,30	0,80	0,60	0,45	0,30	0,15
Mạng viễn thông nông thôn	2,80	1,75	1,40	0,90	0,65	0,50	0,35	0,20
Mạng Internet, voip, thiết bị mạng NGN	1,00	0,75	0,60	0,50	0,40	0,30	0,20	0,10
Hệ thống tiếp đất chống sét (cả thiết bị)	2,15	1,05	0,85	0,65	0,55	0,35	0,25	0,20
Trạm thông tin vệ tinh Vsát	1,80	1,30	1,10	0,90	0,70	0,50	0,35	0,20
Thiết bị BTS, CS, điện thoại thẻ	1,25	0,70	0,50	0,35	0,30	0,25	0,20	0,10

Hiện nay, công trình chuyên ngành BCVT chỉ có một cấp. Định mức chi phí thiết kế dự toán công trình công bố tại văn bản số 1751/BXD-VP ngày 14/08/2007 của Bộ Xây dựng được hướng dẫn tại hai bảng HTKT-1 và HTKT-2 và là thiết kế 2 bước. Theo đó định mức được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí xây dựng và thiết bị, kèm theo các quy định khác nằm trong văn bản này đồng thời phải tính các hệ số quy định trong một số trường hợp sau đây:

a. Công trình có thiết kế một bước thì sau khi nhân với định mức trong các bảng trên phải nhân với hệ số điều chỉnh $K=0,81$.

b. Công trình sử dụng thiết bị đồng bộ, không phải thiết kế dây chuyền công nghệ điều chỉnh với hệ số $K=0,6$.

c. Công trình thiết kế mở rộng, không phân biệt mở rộng phải thêm giá hay thêm

tt

card (trừ lắp đặt trạm mới để mở rộng) kể cả tính toán kết nối với dây truyền công nghệ hiện có, điều chỉnh với hệ số $K = 0,4$.

d. Công trình lắp lại trong một cụm công trình hoặc trong cùng một dự án hoặc sử dụng lại thiết kế:

- Công trình thứ nhất không điều chỉnh $K = 1,0$;
- Công trình thứ 2 điều chỉnh với hệ số $K = 0,36$;
- Công trình thứ 3 trở đi điều chỉnh với hệ số $K = 0,18$.

e. Trường hợp sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình do cơ quan có thẩm quyền ban hành:

- Công trình thứ nhất điều chỉnh với hệ số $K = 0,36$;
- Công trình thứ 2 trở đi điều chỉnh với hệ số $K = 0,18$.

f. Đối với công trình xây dựng ở hải đảo điều chỉnh với hệ số $K = 1,15$.

g. Thiết kế hạng mục công trình điều chỉnh với hệ số $K = 0,9$.

4.4. Định mức chi phí: Thẩm tra thiết kế kỹ thuật đối với công trình có yêu cầu thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình có yêu cầu thiết kế 2 bước.

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Loại công trình	Chi phí xây dựng trước thuế GTGT (tỷ đồng)									
	≤ 7	10	20	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000
Hạ tầng kỹ thuật	0,152	0,126	0,110	0,085	0,065	0,050	0,039	0,030	0,026	0,019

Ghi chú: Chi phí thẩm tra thiết kế của công trình có sử dụng thiết kế điển hình, thiết kế mẫu do cơ quan có thẩm quyền ban hành điều chỉnh với hệ số $K = 0,36$ đối với công trình thứ 2 trở đi.

Trường hợp công trình có yêu cầu thiết kế 3 bước thì chi phí thẩm tra xác định bằng dự toán lập trên cơ sở nội dung công việc cần thẩm tra và các chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

4.5. Định mức chi phí thẩm tra dự toán công trình.

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Loại công trình	Chi phí xây dựng trước thuế GTGT (tỷ đồng)									
	≤ 7	10	20	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000
Hạ tầng kỹ thuật	0,147	0,122	0,106	0,082	0,062	0,047	0,037	0,029	0,024	0,017

Ghi chú: Chi phí thẩm tra dự toán của công trình có sử dụng thiết kế điển hình, thiết kế mẫu do cơ quan có thẩm quyền ban hành điều chỉnh với hệ số $K = 0,36$ đối với công trình thứ 2 trở đi.

4.6. Định mức chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng và cung cấp vật tư thiết bị.

- Định mức chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của chi phí xây dựng chưa có thuế GTGT trong dự toán gói thầu được duyệt.

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Loại công trình	Chi phí xây dựng trước thuế GTGT (tỷ đồng)									
	≤ 7	10	20	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000
Hạ tầng kỹ thuật	0,300	0,257	0,215	0,114	0,072	0,043	0,036	0,023	0,020	0,017

70 6

Định mức trên được chia ra: Lập hồ sơ mời thầu = 40%, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu = 60%.

Trường hợp phải sơ tuyển thì bổ sung thêm chi phí bằng 15% chi phí tính theo định mức trên.

- Định mức chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp vật tư thiết bị tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của chi phí xây dựng chưa có thuế GTGT trong dự toán gói thầu được duyệt.

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Loại công trình	Chi phí thiết bị trước thuế GTGT (tỷ đồng)									
	≤ 7	10	20	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000
Hạ tầng kỹ thuật	0,229	0,200	0,172	0,103	0,069	0,059	0,050	0,039	0,030	0,023

Định mức trên được chia ra: Lập hồ sơ mời thầu = 40%, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu = 60%.

Trường hợp phải sơ tuyển thì bổ sung thêm chi phí bằng 15% chi phí tính theo định mức trên.

4.7. Định mức chi phí giám sát thi công xây dựng và giám sát lắp đặt thiết bị.

- Định mức chi phí giám sát thi công xây dựng tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của chi phí xây dựng chưa có thuế GTGT trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt.

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Loại công trình	Chi phí xây dựng trước thuế GTGT (tỷ đồng)									
	≤ 7	10	20	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000
Hạ tầng kỹ thuật	1,964	1,642	1,444	1,270	0,998	0,780	0,523	0,416	0,375	0,337

- Định mức chi phí giám sát lắp đặt thiết bị tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của chi phí thiết bị chưa có thuế GTGT trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt.

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Loại công trình	Chi phí thiết bị trước thuế GTGT (tỷ đồng)									
	≤ 7	10	20	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000
Hạ tầng kỹ thuật	0,768	0,612	0,526	0,438	0,292	0,246	0,214	0,142	0,127	0,114

Định mức chi phí giám sát thi công xây dựng và giám sát lắp đặt thiết bị theo 2 bảng trên là định mức chi tối đa khi chủ đầu tư có quyết định phải thuê tư vấn giám sát xây dựng hoặc lắp đặt thiết bị. Tùy từng công trình cụ thể có thể thuê giám sát một hoặc một số khâu cần thiết mà chủ đầu tư không có năng lực thực hiện, kinh phí xác định bằng phương pháp lập dự toán chi phí, chủ đầu tư phê duyệt.

Trường hợp trong hợp đồng cung cấp thiết bị nếu đã bao gồm công tác giám sát lắp đặt thì không được tính chi phí này trong dự toán.

4.8. Các chi phí tư vấn đầu tư xây dựng khác:

- Chi phí khảo sát xây dựng; Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Chi phí lập định mức đơn giá xây dựng công trình (nếu có); Chi phí quản lý chi phí đầu tư xây dựng: tổng mức đầu tư, dự toán, định mức xây dựng, đơn giá xây dựng công trình, hợp đồng...; Chi phí tư vấn quản lý dự án; Chi phí kiểm tra chất lượng vật liệu, kiểm định chất lượng công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư; Chi phí kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình (nếu có); Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng công trình đối với dự án có thời gian thực hiện trên 3 năm; Chi phí thực hiện các công việc tư vấn khác.

7

Các chi phí trên được xác định trên cơ sở tham khảo định mức tỷ lệ do Bộ Xây dựng công bố hoặc bằng cách lập dự toán.

5. Chi phí khác.

Chi phí khác là các chi phí không thuộc Chi phí xây dựng; Chi phí thiết bị; Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng; Chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng nêu trên, cụ thể chi phí khác bao gồm các khoản sau:

Chi phí thẩm tra tổng mức đầu tư; Chi phí rà phá bom mìn, vật liệu nổ; Chi phí bảo hiểm công trình; Chi phí di chuyển thiết bị thi công và lực lượng lao động đến công trường; Chi phí đăng kiểm chất lượng quốc tế, quan trắc biến dạng công trình; Chi phí đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công; Chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; Các khoản phí và lệ phí theo quy định; Chi phí nghiên cứu khoa học có liên quan đến dự án; Vốn lưu động ban đầu, lãi vay trong thời gian xây dựng; Chi phí cho quá trình chạy thử có tải và không tải.

Các chi phí trên được xác định trên cơ sở tham khảo định mức tỷ lệ do Bộ Xây dựng công bố hoặc bằng cách lập dự toán.

Đối với công trình chuyên ngành có yếu tố đặc thù, công trình sử dụng vốn ODA, ngoài các khoản chi phí quy định tại các mục trên nếu còn có các chi phí khác có liên quan thì được bổ sung các chi phí này. Chủ đầu tư quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Trường hợp các công trình của dự án phải thuê tư vấn nước ngoài thực hiện thì chi phí tư vấn được lập dự toán theo quy định hiện hành phù hợp với yêu cầu sử dụng tư vấn cho công trình hoặc giá trị hợp đồng tư vấn đã ký kết để ghi vào dự toán.

6. Chi phí dự phòng.

Chi phí dự phòng là khoản chi phí để dự trù cho khối lượng công việc phát sinh và các yếu tố trượt giá trong thời gian xây dựng công trình.

- Đối với công trình có thời gian thực hiện đến 2 năm: chi phí dự phòng được tính bằng 10% trên tổng chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác.

- Đối với công trình có thời gian thực hiện trên 2 năm: chi phí dự phòng được xác định bằng 2 yếu tố:

+ Dự phòng chi phí cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh được tính bằng 5% trên tổng chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác.

+ Dự phòng chi phí cho yếu tố trượt giá được tính theo chỉ số giá xây dựng của từng loại công trình theo khu vực và theo thời gian xây dựng. Thời gian để tính trượt giá là thời gian xây dựng công trình theo tiến độ xây dựng công trình được phê duyệt.

PHẦN II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN LẬP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Tổ chức quản lý dự toán công trình.

Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/05/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, đã mở rộng quyền tự quyết cho doanh nghiệp đồng thời gắn trách nhiệm của doanh nghiệp theo quyết định của mình. Trong lập dự toán công trình xây dựng, xuất vốn đầu tư, chỉ số giá xây dựng, các định mức, đơn giá, tỷ lệ tính các loại chi phí trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng... do Bộ Xây dựng công bố nhằm mục đích tham khảo và được hiểu trong đó hầu hết các nội dung đã xác định ở mức cao nhất để doanh nghiệp xem xét vận dụng và áp dụng cho phù

78

hợp với đặc điểm riêng của từng công trình. Đơn vị làm công tác tư vấn có trách nhiệm tư vấn cho chủ đầu tư về các nội dung này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung nào cần thiết bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, đơn vị có thể thực hiện tự xây dựng trên cơ sở các văn bản công bố của Bộ Xây dựng (Phương pháp xây dựng định mức, đơn giá ca máy, chỉ số giá xây dựng, phương pháp lập dự toán chi phí...) và theo các văn bản quy định của Tập đoàn.

Trách nhiệm các đơn vị phải cập nhật thường xuyên những nội dung thay đổi, bổ sung điều chỉnh, đồng thời báo cáo về Tập đoàn để tập hợp xem xét điều chỉnh hoặc làm các thủ tục cần thiết trình Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ quản lý ngành có văn bản công bố theo đúng quy định.

2. Tổ chức thực hiện.

2.1. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 dự toán công trình xây dựng chuyên ngành BCVT đều lập theo nội dung văn bản hướng dẫn và các quy định trong văn bản này của Tập đoàn, cụ thể:

- Dự án đầu tư công trình xây dựng mới triển khai;
- Dự án đầu tư đã phê duyệt, nay lập dự toán hoặc điều chỉnh dự toán đã phê duyệt trước khi triển khai thủ tục xây dựng;
- Dự án đầu tư và thiết kế dự toán đã được phê duyệt nhưng chưa thực hiện triển khai;
- Dự án đầu tư công trình triển khai dở dang, có hạng mục chưa triển khai thì lập lại cho hạng mục chưa triển khai;
- Dự án đầu tư công trình triển khai dở dang, dự toán thiết kế được cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh dự toán công trình trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành.

2.2. Văn bản này thay thế các văn bản số 4763/ĐTPT ngày 29/07/2005, văn bản số 8529/ĐTPT ngày 28/12/2005 của Tập đoàn BCVT Việt Nam về việc thực hiện một số văn bản của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập dự toán công trình theo Thông tư số 04/2005/TT-BXD ngày 01/04/2005 của Bộ Xây dựng.

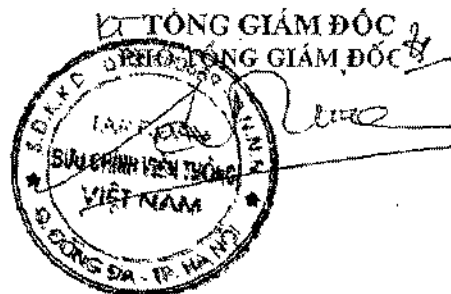
2.3. Không áp dụng các quy định trong các văn bản có liên quan để lập và quản lý dự toán công trình xây dựng đã được Bộ Xây dựng huỷ bỏ tại quyết định số 26/2007/QĐ-BXD ngày 21/09/2007.

2.4. Những nội dung trong các văn bản hiện hành có liên quan mà trái với các nội dung quy định trong văn bản này đều không có hiệu lực áp dụng.

Nhận được văn bản này, Giám đốc các đơn vị, các Ban chức năng của Tập đoàn có liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc theo chức năng và quyền hạn của mình. Trong quá trình thực hiện có điều gì chưa rõ hoặc còn vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Tập đoàn (Ban Đầu tư Phát triển) để xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Các uỷ viên HĐQT;
- Tổng GD (để b/c);
- Ban Kiểm soát;
- Các Ban KH, TTK;
- KTTK-TC, KTNB;
- Lưu VP, Ban ĐTPT (4 bản).



Bùi Thiện Minh